

Kính gửi: Các trường MN, TH, TH&THCS, THCS trên địa bàn thị xã.

Thực hiện Công văn số 202/SGDDĐT-GDPT ngày 24/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2025; Công văn số 201/SGDDĐT ngày 23/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non; căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non (*Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT*); Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường học trên địa bàn thị xã triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số, cụ thể như sau:

### 1. Mục đích

- Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức, hướng dẫn triển khai chuyển đổi số trong phạm vi quản lý của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và các cơ sở giáo dục (CSGD) trên địa bàn.
- Phát hiện các mô hình, điển hình tốt để nhân rộng, thúc đẩy phong trào chuyển đổi số trong toàn ngành.
- Định hướng và đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số đảm bảo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

### 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Phòng GDĐT đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số ban hành kèm theo Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2014 của Bộ GDĐT.
- Khối TH, THCS: Các CSGD đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Công văn số 873/SGDDĐT-VP ngày 21/3/2024 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các CSGD phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2023-2024; Công văn số 202/SGDDĐT-GDPT ngày 24/03/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2025.
- Khối MN: Các CSGD đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Công văn số 201/SGDDĐT-GDPT ngày 23/3/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

### 3. Nguyên tắc thực hiện

- Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức, hướng dẫn triển khai chuyển đổi số của Phòng GDĐT, các CSGD theo đúng quy định.
- Đảm bảo tính khoa học, phù hợp điều kiện thực tế ở địa phương; đánh giá thực chất, khách quan, minh bạch, công bằng và khả thi trong áp dụng.

- Kết quả chuyển đổi số của các CSGD thuộc phạm vi quản lý là cơ sở để đánh giá mức độ chuyển đổi số của các đơn vị trong năm học.

#### **4. Lịch trình thực hiện**

**4.1. Xây dựng kế hoạch:** Đầu năm học, các CSGD xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục. Kế hoạch bao gồm nội dung tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của CSGD.

**4.2. Giai đoạn triển khai đánh giá:** Tháng 4 - tháng 5, các CSGD tập hợp minh chứng, tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, sử dụng phần mềm đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) để thu thập, quản lý dữ liệu đánh giá.

- **Nội dung đánh giá:** Dựa trên “*Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của CSGD phổ thông và giáo dục thường xuyên*” ban hành kèm theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT về việc đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các CSGD.

- **Quy trình đánh giá:** Các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, tư liệu, hoàn thiện đầy đủ các thông tin dựa trên Bộ chỉ số theo hướng dẫn số 873/SGDĐT-VP ngày 21/3/2024 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các CSGD phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024; Công văn số 202/SGDĐT-GDPT ngày 24/03/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2025. Thời gian: Xong trước ngày **31/5/2025**.

- **Cập nhật kết quả tự đánh giá trên link trực tuyến:** Hiệu trưởng các trường trực tiếp uỷ quyền cho cán bộ, giáo viên hoặc nhân viên phụ trách thực hiện. Link cập nhật:

*Link thực hiện năm 2025:*

<https://drive.google.com/drive/folders/1EWSdCEdi1NPYIQ0SY4Y3SS7fdgVHx5wo?usp=sharing>

*Link tham khảo năm 2024:*

[https://drive.google.com/drive/folders/12GdJeEITTaZTvTQnivNjTJBD\\_rAEqoRR?usp=sharing](https://drive.google.com/drive/folders/12GdJeEITTaZTvTQnivNjTJBD_rAEqoRR?usp=sharing)

- Thời gian hoàn thành trước ngày 30/5/2024.

#### **\* Lưu ý:**

- Các trường tự tạo các thư mục và đưa file minh chứng theo hướng dẫn lên link (*Tên minh chứng không quá dài*).

- Sau thời gian trên link sẽ chỉ xem và tải về khi cần thiết.

- Căn cứ điều kiện thực tế Phòng GDĐT tổ chức rà soát, kiểm tra kết quả tự đánh giá của các CSGD, phê duyệt kết quả tự đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá về SGDĐT trước ngày 31/5 hằng năm.

**4.3. Tổng kết:** Phòng GDĐT tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả chuyển đổi số, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình tốt vào thời điểm thích hợp trong năm học.

## **5. Nội dung đánh giá và minh chứng**

**5.1. Đối với PGDĐT:** Gồm hai nhóm tiêu chí:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành *(tối đa 50 điểm)*.
- Kết quả chuyển đổi số ở cơ sở giáo dục *(tối đa 50 điểm)*:

*(Chi tiết trong Phụ lục kèm theo)*

**5.2. Đối với các CSGD:** Dựa trên “*Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên*” ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT về việc đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục; Bổ sung bộ tiêu chí theo Công văn số 202/SGDĐT-GDPT ngày 24/03/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2025.

## **6. Tổ chức thực hiện**

**6.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đánh giá chuyển đổi số tại các CSGD. Phối hợp với doanh nghiệp công nghệ để triển khai phần mềm DTI và tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm cho các CSGD.

### **6.2. Các cơ sở giáo dục**

- Tổ chức thực hiện đánh giá mức độ CDS của đơn vị theo quy định, sử dụng phần mềm DTI trong quá trình triển khai, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng.

- Chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp, và báo cáo kết quả đánh giá mức độ CDS của đơn vị, đảm bảo dữ liệu chính xác, minh bạch và phản ánh thực tế.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo Phòng GDĐT qua bộ phận CNTT để được hỗ trợ giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Sở GDĐT;
- Lãnh đạo PGDĐT;
- Các CSGD thuộc PGDĐT;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thị Thuý Hồng**

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Kèm theo Công văn số 299/PGDDĐT-CNTT ngày 01/4/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

| Stt        | Tiêu chí                                                                                                                                                       | Điểm tối đa             | Điểm thành phần | Mức độ (MĐ)                                        | Gợi ý minh chứng                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú                                                                                                                                                           |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành</b>                                                                                                                   | <b><u>50</u></b>        |                 | MĐ 1: Dưới 25 điểm;<br>MĐ2: 25-40;<br>MĐ3: trên 40 |                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                   |
| <b>1.1</b> | <b>Công tác kế hoạch, hướng dẫn</b>                                                                                                                            | <b>Yêu cầu bắt buộc</b> |                 |                                                    |                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                   |
| 1.1.1      | Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS)                                                    |                         |                 |                                                    | - Quyết định thành lập bộ phận Chỉ đạo CNTT và CDS Phòng GDĐT, kèm theo danh sách nhân sự tham gia, phân công nhiệm vụ cụ thể.<br>- Biên bản cuộc họp triển khai nhiệm vụ của bộ phận Chỉ đạo.                           | - Văn bản, tài liệu minh chứng.<br>Gồm cả các minh chứng khác do cơ quan có thẩm quyền của địa phương quy định thêm phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. |
| 1.1.2      | Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS trung hạn (05 năm) và hằng năm                                                                                          |                         |                 |                                                    | - Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS giai đoạn 5 năm;<br>- Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS năm học;<br>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS hằng năm.                                             |                                                                                                                                                                   |
| 1.1.3      | Ban hành hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS năm học                                                                                          |                         |                 |                                                    | Văn bản hướng dẫn triển khai nhiệm vụ CNTT và CDS từng năm học. Các văn bản, tài liệu hướng dẫn cụ thể thực hiện nhiệm vụ CNTT và CDS                                                                                    |                                                                                                                                                                   |
| 1.1.4      | Tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh (đối với sở GDĐT) hoặc Huyện ủy, UBND huyện (đối với phòng GDĐT) bố trí kinh phí hằng năm triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS |                         |                 |                                                    | - Tờ trình đề nghị cấp kinh phí cho hoạt động ứng dụng CNTT và CDS. Quyết định phê duyệt kinh phí cho các hoạt động CNTT và CDS của UBND cấp huyện.<br>- Báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CNTT và CDS. |                                                                                                                                                                   |

| Stt        | Tiêu chí                                                                                                                         | Điểm tối đa             | Điểm thành phần | Mức độ (MĐ) | Gợi ý minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú                         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.1.5      | Ban hành kế hoạch và hướng dẫn khác theo yêu cầu của Bộ GDĐT                                                                     |                         |                 |             | Các văn bản triển khai các chỉ đạo, hướng dẫn từ Sở GDĐT về CNTT và CDS.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                 |
| <b>1.2</b> | <b>Ban hành quy chế, chính sách</b>                                                                                              | <b>Yêu cầu bắt buộc</b> |                 |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                 |
| 1.2.1      | Ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống CNTT triển khai tại đơn vị |                         |                 |             | Quyết định ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống CNTT triển khai tại đơn vị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | - Văn bản, tài liệu minh chứng. |
| 1.2.2      | Ban hành quy chế quản lý, vận hành, sử dụng các hệ thống CNTT triển khai tại đơn vị                                              |                         |                 |             | - Quyết định ban hành quy chế quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống CNTT (có hiệu lực tại đơn vị).<br>Phân quyền quản lý hệ thống CNTT (các phần mềm, công thông tin, hệ thống quản lý học tập, thư viện số...).<br>Quy định về trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân khi sử dụng hệ thống CNTT.<br>- Hướng dẫn quy trình vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống CNTT.<br>Minh chứng về việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy chế (biên bản họp, báo cáo kiểm tra). |                                 |
| 1.2.3      | Ban hành các quy chế khác theo yêu cầu của Sở GDĐT                                                                               |                         |                 |             | Quyết định ban hành các quy chế bổ sung theo hướng dẫn từ Sở GDĐT, ví dụ: Quy chế về quản lý học liệu số; Quy chế về sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử; Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu giáo dục theo hướng chuyển đổi số.<br>...                                                                                                                                                                                                                                 |                                 |
| <b>1.3</b> | <b>Hoạt động kiểm tra, đánh giá</b>                                                                                              | <b>15</b>               |                 |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                 |

| Stt   | Tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ (MĐ)          | Gợi ý minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                             |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1.3.1 | Tổ chức kiểm tra công tác ứng dụng CNTT, CDS trong giáo dục tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý                                                                                                                                                                                                                              |             | 10 điểm         | - MĐ 1: Dưới 8 điểm  | Kế hoạch kiểm tra công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục (hoặc trong kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học).<br>Biên bản, thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tại các trường học (có trong có biên bản, thông báo kiểm tra). | - Kế hoạch kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra, tài liệu minh chứng. |
|       | <i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ các đơn vị được kiểm tra trên 20%: tối đa 10 điểm; tỷ lệ các đơn vị được kiểm tra từ trên 15 %-20 %: tối đa 7,5 điểm; tỷ lệ các đơn vị được kiểm tra từ trên 10%-15%: tối đa 5 điểm; tỷ lệ các đơn vị được kiểm tra từ 5%-10%: tối đa 2,5 điểm; tỷ lệ các đơn vị được kiểm tra dưới 10%: 0 điểm)</i> |             |                 | - MĐ 2: Từ 8-12 điểm |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | - Tỷ lệ % được tính trên tổng số đơn vị thuộc phạm vi quản lý.      |
| 1.3.2 | Tổ chức đánh giá mức độ CDS đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý [5]                                                                                                                                                                                                                                                      |             | 5 điểm          | - MĐ 3: Trên 12 điểm | Báo cáo đánh giá mức độ chuyển đổi số của từng đơn vị giáo dục (dựa trên dữ liệu thu thập).<br>Tổng hợp điểm số, xếp loại mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục.                                                                                                                                           | - Kế hoạch đánh giá; báo cáo kết quả đánh giá, tài liệu minh chứng. |
|       | <i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ các đơn vị đã thực hiện đánh giá trên 90%: tối đa 5 điểm; tỷ lệ các đơn vị đã thực hiện đánh giá từ trên 70%-90%: tối đa 4 điểm; tỷ lệ các đơn vị đã thực hiện đánh giá từ 50%-70%: tối đa 3 điểm; tỷ lệ các đơn vị đã thực hiện đánh giá dưới 50%: 0 điểm)</i>                                      |             |                 |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | - Tỷ lệ% được tính trên tổng số đơn vị thuộc phạm vi quản lý.       |
| 1.4   | <b>Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và năng lực chuyển đổi số</b>                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>10</b>   |                 |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |

| Stt   | Tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ (MĐ)          | Gợi ý minh chứng                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                    |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.4.1 | Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về ứng dụng CNTT và CDS trong giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             | 5 điểm          |                      | Kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo về ứng dụng CNTT và CDS. Giấy mời các đơn vị tham dự hội nghị, hội thảo, tài liệu, bài trình bày, nội dung hội thảo về chuyển đổi số, hình ảnh, video ghi lại hoạt động hội nghị, hội thảo.                  |                                                                                            |
|       | <i>(Cách đánh giá: số lượng sự kiện đã tổ chức trên 3 sự kiện: tối đa 5 điểm; số lượng sự kiện đã tổ chức từ 1-3 sự kiện: tối đa 3 điểm; không có sự kiện: 0 điểm)</i>                                                                                                                                                                                                                                      |             |                 |                      |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                            |
| 1.4.2 | Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ phụ trách CNTT, công chức của các cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương về ứng dụng CNTT, CDS trong công việc chuyên môn                                                                                                                                                                                                   |             | 5 điểm          | - MĐ 1: Dưới 5 điểm  | Kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về CNTT và CDS, danh sách học viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng. Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm, công cụ hỗ trợ chuyển đổi số. Hình ảnh, video ghi nhận quá trình tập huấn, giảng dạy thực tế. | - Tỷ lệ % được tính trên tổng số cán bộ, công chức là thành phần được tập huấn, bồi dưỡng. |
|       | <i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng trên 60%: tối đa 5 điểm; tỷ lệ cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng trên 40%-60%: tối đa 4 điểm; tỷ lệ cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng trên 20%-40%: tối đa 3 điểm; tỷ lệ cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng từ 10%-20%: tối đa 2 điểm; tỷ lệ cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng dưới 20%: 0 điểm)</i> |             |                 | - MĐ 2: Từ 5-7 điểm  |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                            |
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |                 | - MĐ 3: Trên 7 điểm  |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                            |
| 1.5   | Triển khai cơ sở dữ liệu ngành giáo dục [6] và dịch vụ trực tuyến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <u>25</u>   |                 |                      |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                            |
|       | - Tổ chức số hóa thông tin giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |                 | - MĐ 1: Dưới 10 điểm |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                            |

| Stt | Tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                          | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ (MĐ)           | Gợi ý minh chứng                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | + Tỷ lệ cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý đã hoàn thành việc cập nhật đầy đủ dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo yêu cầu của Bộ GDĐT                                                                                                                                |             | 7 điểm          | - MĐ 2: Từ 10-20 điểm | Quy chế số hóa thông tin giáo dục/Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống CSDL văn bản triển khai; báo cáo kết quả, biểu thống kê kết quả cập nhật dữ liệu từ hệ thống, kèm theo báo cáo tổng hợp tỉ lệ cập nhật. (Minh chứng có sẵn trên hệ thống) |                                                                                                           |
|     | (Cách đánh giá: Tỷ lệ>90%: tối đa 7 điểm; tỉ lệ trên 80%-90%: tối đa 6 điểm; tỉ lệ trên 70%-80%: tối đa 5 điểm; tỉ lệ 50%-70%: tối đa 3 điểm; tỉ lệ dưới 50%: 0 điểm)                                                                                                             |             |                 | - MĐ 3: Trên 20 điểm  |                                                                                                                                                                                                                                                         | - Tỷ lệ % được tính trên tổng số cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.                                    |
|     | + Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối dữ liệu thành công (qua API [7]) với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (Cách đánh giá: Tỷ lệ>90%: tối đa 3 điểm; tỉ lệ từ trên 60%-90%: tối đa 2 điểm; tỉ lệ từ 30%-60%: tối đa 1 điểm; tỉ lệ dưới 30%: 0 điểm) |             | 3 điểm          |                       | Danh sách các trường đã kết nối phần mềm quản trị trường học với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Báo cáo thống kê tỉ lệ trường học đã kết nối thành công qua API, có xác nhận của đơn vị cung cấp hệ thống (Minh chứng có sẵn trên hệ thống)              |                                                                                                           |
|     | + Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đã triển khai học bạ số                                                                                                                                                                                             |             | 5 điểm          |                       | - Văn bản triển khai; Báo cáo tổng hợp tỉ lệ triển khai học bạ số kèm minh chứng (hình ảnh giao diện, hệ thống quản lý). (Minh chứng có sẵn trên hệ thống)                                                                                              |                                                                                                           |
|     | (Cách đánh giá: Tỷ lệ trên 90%: tối đa 5 điểm; tỉ lệ từ trên 80%-90%: tối đa 4 điểm; tỉ lệ từ trên 70%-80%: tối đa 3 điểm; tỉ lệ từ trên 60%-70%: tối đa 2 điểm; tỉ lệ từ 50%-60%: tối đa 1 điểm; tỉ lệ dưới 50%: 0 điểm)                                                         |             |                 |                       |                                                                                                                                                                                                                                                         | - Tỷ lệ % được tính trên tổng số cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý. |
|     | - Triển khai dịch vụ công thiết yếu trực tuyến toàn trình                                                                                                                                                                                                                         |             |                 |                       |                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                           |

| Stt | Tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Điểm tối đa      | Điểm thành phần | Mức độ (MĐ)           | Gợi ý minh chứng                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú                                                                                                                  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | + Tỷ lệ các cơ sở giáo dục đã triển khai dịch vụ công tuyển sinh đầu cấp trực tuyến toàn trình ( <i>Cách đánh giá: Tỷ lệ trên 80%: tối đa 5 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: tối đa 4 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: tối đa 3 điểm; tỷ lệ từ trên 20%)-40%: tối đa 2 điểm; tỷ lệ từ 10%-20%: tối đa 1 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm</i> ) |                  | 5 điểm          |                       |                                                                                                                                                                                                                                                      | - Đường link; báo cáo kết quả, tài liệu minh chứng.                                                                      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |                 |                       | Hướng dẫn/kế hoạch tuyển sinh, thống kê số lượng trường triển khai tuyển sinh trực tuyến (đầy đủ các cấp: Mầm non, Tiểu học, THCS). Quyết định phê duyệt kế hoạch triển khai tuyển sinh trực tuyến tại địa phương. (Minh chứng có sẵn trên hệ thống) | - Tỷ lệ % được tính trên tổng số cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.                                                   |
|     | + Tỷ lệ các cơ sở giáo dục đã triển khai dịch vụ công chuyển trường trực tuyến toàn trình ( <i>Cách đánh giá: Tỷ lệ trên 80%: tối đa 5 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: tối đa 4 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: tối đa 3 điểm; tỷ lệ từ trên 20%-40%: tối đa 2 điểm; tỷ lệ từ 10%-20%: tối đa 1 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm</i> )       |                  | 5 điểm          |                       | Danh sách các trường đã triển khai dịch vụ chuyển trường trực tuyến.<br>Số liệu báo cáo về số lượng học sinh thực hiện chuyển trường trực tuyến thành công. (hướng dẫn sử dụng phần mềm, quy trình đăng ký).                                         | - Đường link; báo cáo kết quả, tài liệu minh chứng. Tỷ lệ % được tính trên tổng số cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý. |
| II  | <b>Kết quả chuyển đổi số ở cơ sở giáo dục</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b><u>50</u></b> |                 | - MĐ 1: Dưới 25 điểm  |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                          |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |                 | - MĐ 2: Từ 25-40 điểm |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                          |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |                 | - MĐ 3: Trên 40 điểm  |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                          |

| Stt | Tiêu chí                                                                                                 | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ (MĐ)           | Gợi ý minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 2.1 | Kết quả chuyển đổi số trong dạy, học [8] của các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên |             | 35 điểm         | - MĐ 1: Dưới 15 điểm  | Báo cáo tổng hợp về mức độ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy và học (theo các tiêu chí đánh giá).<br>Thống kê số lượng giáo viên sử dụng các nền tảng giảng dạy trực tuyến (Google Classroom, Microsoft Teams, OLM.vn...).<br>Tỉ lệ bài giảng điện tử, học liệu số được xây dựng và sử dụng thực tế trong giảng dạy.<br>Minh chứng về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá trực tuyến (sử dụng Google Forms, OLM, Azota...). | Báo cáo kết quả triển khai đánh giá mức độ CDS; tài liệu minh chứng. |
|     | <i>(Cách đánh giá, tính điểm:</i>                                                                        |             |                 | - MĐ 2: Từ 15-25 điểm |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                      |
|     | Điểm[9] = $17.5 \times (A \times 0 + B \times 1 + C \times 2) / (A+B+C)$                                 |             |                 | - MĐ 3: Trên 25 điểm  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                      |
| 2.2 | Kết quả chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục mầm non [10]                                                |             | 15 điểm         | - MĐ 1: Dưới 5 điểm   | Số liệu về việc triển khai phần mềm quản lý trường mầm non (như quản lý trẻ, điểm danh, thông tin sức khỏe...).<br>Báo cáo về việc áp dụng công nghệ trong dạy học mầm non (sử dụng ứng dụng học tập, phần mềm hỗ trợ giảng dạy).<br>Hình ảnh, tài liệu hướng dẫn giáo viên mầm non ứng dụng CNTT vào giảng dạy và quản lý lớp học.<br>Thống kê số lượng giáo viên mầm non được tập huấn về chuyển đổi số.                     |                                                                      |

| Stt | Tiêu chí                                                                  | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ (MĐ)          | Gợi ý minh chứng                                                                                                   | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                           |             |                 |                      | Báo cáo đánh giá về mức độ ứng dụng công nghệ trong các hoạt động giáo dục mầm non.<br>(Kết quả trên hệ thống DTI) |         |
|     | (Cách đánh giá, tính điểm:                                                |             |                 | - MĐ 2: Từ 5-10 điểm |                                                                                                                    |         |
|     | Điểm [11] = $7.5 \times (A \times 0 + B \times 1 + C \times 2) / (A+B+C)$ |             |                 | - MĐ 3: Trên 10 điểm |                                                                                                                    |         |
|     |                                                                           |             |                 |                      |                                                                                                                    |         |

[5] Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022); Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non (Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024) và Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo theo Quyết định này.

[6] Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục được triển khai tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn> do Bộ GDĐT quản lý.

[7] API (Application Programming Interface) là cụm từ viết tắt của Giao diện lập trình ứng dụng. Đây là phương thức, cơ chế có vai trò trung gian cho phép các ứng dụng khác nhau trao đổi dữ liệu với nhau.

[8] Nhóm tiêu chí “1. Chuyển đổi số trong dạy, học” (theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT)

[9] Trong đó: A là tổng số cơ sở giáo dục (CSGD) chưa đánh giá hoặc đạt Mức độ 1 (mỗi CSGD là 0 điểm); B là tổng số CSGD đạt Mức độ 2 (mỗi CSGD được tính 1 điểm); C là tổng số CSGD đạt Mức độ 3 (mỗi CSGD được tính 2 điểm). Ví dụ: Sở GDĐT X có kết quả đánh giá CDS của các CSGD trong phạm vi quản lý gồm: 14 CSGD đạt Mức độ 1 (A=14), 85 CSGD đạt Mức độ 2 (B=85), 27 CSGD đạt mức độ 3 (C=27). Khi đó, kết quả CDS (2.1) của Sở sẽ là:  $17.5 \times (14 \times 0 + 85 \times 1 + 27 \times 2) / (14 + 85 + 27) = 19.3$  điểm.

[10] Thực hiện theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ GDĐT.

[11] Trong đó: A là tổng số CSGD mầm non chưa đánh giá hoặc đạt Mức độ 1 (mỗi CSGD là 0 điểm); B là tổng số CSGD mầm non đạt Mức độ 2 (mỗi CSGD được tính 1 điểm); C là tổng số CSGD mầm non đạt Mức độ 3 (mỗi CSGD được tính 2 điểm). Ví dụ: Sở GDĐT (hoặc Phòng GDĐT) X có kết quả đánh giá CDS của các CSGD mầm non trong phạm vi quản lý gồm: 14 CSGD Mức độ 1 (A=14), 85 CSGD đạt Mức độ 2 (B=85), 27 CSGD đạt mức độ 3 (C=27).

Khi đó, kết quả CDS (2.2) của Sở sẽ là:  $7.5 \times (14 \times 0 + 85 \times 1 + 27 \times 2) / (14 + 85 + 27) = 8.3$  điểm.